

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2025/DS-PT
Ngày 13 tháng 8 năm 2025
V/v yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở
trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thành
Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền
Ông Nguyễn Duy Phụng
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Tòa án
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên:**
Ông Phạm Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 tháng 8 năm 2025, 13 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 18/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất”.

Do bản án sơ thẩm số 01/2025/DS - ST ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên) bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2025/QĐ - PT ngày 16 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị M, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn An T, xã Thụy D, huyện T2, tỉnh Thái Bình (nay là xã Tây A, tỉnh Hưng Yên).

2. **Bị đơn:** Bà Phạm Thị L, sinh năm 1957 và ông Lương Văn V, sinh năm 1954; đều cư trú: Thôn P, xã T3, huyện T2, tỉnh Thái Bình (nay là xã Nam A, tỉnh Hưng Yên)

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1993;

3.2. Anh Nguyễn Quang M1, sinh năm 2006;

3.3. Bà Trịnh Thị Th, sinh năm 1940;

Đều trú tại: Thôn An T, xã Thụy D, huyện T2, tỉnh Thái Bình (nay là xã

Tây A, tỉnh Hưng Yên).

3.4. Ông Nguyễn Duy P1, sinh năm 1942; nơi cư trú: Tổ dân phố số 8B, khu phố 5, phường Đ, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường G, tỉnh Quảng Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Quốc H, anh Nguyễn Quang M, bà Trịnh Thị Th và ông Nguyễn Duy P1: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn An T, xã Thụy D, huyện T2, tỉnh Thái Bình (nay là xã Tây A, tỉnh Hưng Yên).

4. Người làm chứng:

Người kháng cáo: Bà Phạm Thị L và ông Lương Văn V.

(Có mặt bà M, anh H, ông V, bà L; vắng mặt anh M1, bà Th, ông P1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn bà Phạm Thị M trình bày:*

Năm 2005, bà và chồng là ông Nguyễn Quốc H2 có trúng đấu giá 02 thửa đất tại khu Nam làng thôn An Tiêm 1, xã Thụy D, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Sau đó, bà là người trực tiếp đi làm các thủ tục cần thiết để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện T2 cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là QSDĐ) mang tên vợ chồng bà vào năm 2008. Đến năm 2012 chồng bà chết. Tại thời điểm chồng bà là ông Nguyễn Quốc H2 chết, ông H2 có bố đẻ là ông Nguyễn Duy P1 và bà Trịnh Thị Th, không có bố mẹ nuôi; bà và ông H2 có 02 con chung là Nguyễn Quốc H và Nguyễn Quang M, ngoài ra bà và ông H2 không có con chung, con nuôi nào khác. Ông H2 chết không để lại di chúc. Sau khi ông H2 chết, chị gái bà là bà Phạm Thị L có nói với bà trong 02 thửa đất đã đấu giá ở trên có 01 thửa đất là do bà L gửi tiền chồng bà mua. Ban đầu do tin tưởng chị em nhà, bà có nói với bà L là nếu đúng của chị gửi tiền chồng em thì em trả lại chị. Nhưng sau đó, bà L không có chứng cứ gì chứng minh việc gửi tiền chồng bà. Trên thực tế, việc bà L nói đưa tiền chồng bà để mua đất là không có (Việc mua đất là vợ chồng bà trực tiếp lên UBND xã đấu giá đất và đi nộp tiền tại kho bạc là tiền của gia đình bà) và suốt thời gian mua đất năm 2008 đến thời điểm chồng bà chết thì bà L cũng không nói với bà là gửi tiền chồng bà để mua đất, chồng bà cũng không nói gì với bà là bà L gửi tiền mua hộ đất. Do bà L có nói đưa tiền cho chồng bà mua đất nên bà có cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình vào đưa cho bà L xem là 02 mảnh đất là mang tên vợ chồng bà thì lúc đó bà L đã giữ lại một sổ đỏ của gia đình bà và bà L đã đi vào Nam 07 tháng. Đến ngày 11/02/2022, bà

L làm đơn lên UBND xã Thụy D đề nghị UBND xã Thụy D không cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chứng nhận cho các hoạt động mua bán, cho, tặng. Ngày 22/02/2022, UBND xã Thụy D đã mời bà và bà L đến trụ sở UBND xã Thụy D để giải quyết. Tại đây, bà L cũng không chứng minh được số tiền gửi chồng bà. Ông chủ tọa đã kết luận là việc bà L đề nghị UBND xã làm thủ tục giấy tờ sang tên cho bà L là không có căn cứ nên đã trả lại đơn cho bà L và yêu cầu bà L trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà. Từ khi UBND xã Thụy D giải quyết xong đến nay bà L vẫn chưa trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà. Sau 03 tháng, đến tháng 5/2022, bà L vẫn không trả lại sổ cho gia đình bà nên gia đình bà đã làm đơn đề nghị Công an xã T3 và Công an xã Thụy D về việc bà L cố tình cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà. Công an xã T3 và Công an xã Thụy D đã nhiều lần viết giấy mời bà L về trụ sở công an xã giải quyết nhưng bà L không chấp hành về để giải quyết. Khoảng tháng 01/2023, bà thuê máy xúc về để san lấp mặt bằng thửa đất, trồng cây xung quanh để mở cửa hàng thì bà nhận được thông tin ông V, bà L cản trở, cho máy xúc phá đất đào hố không cho bà sử dụng đất. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình (hiện là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên) buộc bà Phạm Thị L và ông Lương Văn V chấm dứt việc cản trở quyền sử dụng đất của gia đình bà và trả lại cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 02QH/304 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” TO 0097 cấp ngày 23/12/2008.

** Bị đơn bà Phạm Thị L trình bày.*

Năm 2005, vì bà không có hộ khẩu xã Thụy D, nên có nhờ cả 2 vợ chồng ông H2, bà M (là em gái ruột bà mua hộ đất với giá 30.000.000 đồng/100m²). Bà đem đến nhà ông H2, bà M gửi số tiền đó, chính bà M là người cầm tiền và cất giữ. Bà cũng phải vay hộ ngân hàng cho vợ chồng bà M để có tiền mua 1 mảnh đất trên và làm quán kinh doanh. Sau khi ông H2 chết được một thời gian, bà có yêu cầu bà M chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất bà đã gửi mua sang tên của bà thì bà M lấy lý do chưa làm được thủ tục chia thừa kế của ông H2 nên chưa chuyển nhượng cho bà. Nay bà xác nhận, hiện bà đang là người quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 02QH/304 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” TO 0097, cấp ngày 23/12/2008 từ ngày 10/5/2021 đến nay và không đồng ý cho bà M san lấp thửa đất trên. Lý do bà quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không cho bà M sử dụng thửa đất trên là do thửa đất trên bà nhờ vợ chồng bà M mua hộ bà. Vào ngày 10/5/2021, bà M và anh H đã trực tiếp vào nhà bà Phạm Thị Hương giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà có sự chứng kiến của Bà H3,

anh Thịnh (là con Bà H3) làm chứng. Khi giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà M có nói: “Chồng tôi giúp chị được đến đâu tôi trả chị đến đấy”, chứ không phải do bà chiếm đoạt của bà M. Bà H3 đã có đơn bác bỏ hoàn toàn đơn khởi kiện của bà M. Bà M khởi kiện bà ra Tòa là bịa đặt, vu khống, bà không đồng ý. Nay bà đang yêu cầu Cơ quan điều tra xem xét giải quyết theo Hình sự nên bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết dân sự. Bà đề nghị Tòa án bác bỏ hoàn toàn đơn khởi kiện của bà M.

Bị đơn ông Lương Văn V nhất trí với trình bày của bà L và bổ sung:

- Trong biên bản hòa giải ngày 22/2/2022 tại xã Thụy D, cả hội nghị dự họp và bà M đã ký công nhận giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L, không phải bà M đưa 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L xem sau đó bà L giữ lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi đi miền Nam. Mặt khác ngày 10/5/2021, bà M đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L, ngày 23/5/2021 bà L mới đi miền Nam, tại sao bà M không đòi mà giờ mới đòi.

- Ngày 17/5/2021, ông là người trực tiếp vào nhà bà M ở xã Thụy D để trả tiền thuê quyền sử dụng đất, để tiền ở bàn uống nước. Tại sao không phải tiền thuê của nhà mình mà bà M không trả lại, không đem lại chính quyền UBND xã nộp trả.

- Vợ chồng ông gây cản trở đất vì cuối năm 2023 bà M đã tự ý san lấp mặt bằng đất, trong đó có thửa đất của bà L nên bà L đã thuê máy xúc để mức lên. Công an xã đã giải quyết, do đất còn tranh chấp nên không ai phải bồi thường cho ai.

- Hiện nay ông còn đề nghị lên Công an cấp trên để tố cáo bà M những điểm chính công an huyện T2 chưa làm, chưa mời những người làm chứng để điều tra. Khi nào có kết quả, ông sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay ông đề nghị Tòa án chưa giải quyết vụ việc.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc H trình bày:* Anh đã ủy quyền cho bà M thay anh tham gia toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án. Mọi ý kiến của bà M đều là ý kiến của anh. Đối với bản chụp tin nhắn Messenger giữa anh và chị Lương Thị L2 con gái bà L mà ông V giao nộp, anh xác định đó đúng là nội dung tin nhắn giữa anh và chị Linh, tuy nhiên lý do có việc anh nhắn nội dung như vậy là vì thời điểm năm 2005 khi bố mẹ anh đấu giá đất, anh còn nhỏ nên không nắm được việc đấu giá đất như thế nào. Kể từ thời điểm đó đến năm 2012 khi bố anh chết, bố mẹ anh và bà L đều không nói gì về chuyện đất cát và vay nợ giữa hai người. Sau khi bố anh chết thì bà L có nói việc bố anh vay tiền và có đưa tiền để bố anh mua đất. Do tin tưởng bà L là bá ruột nên anh cũng tin bà L nói thật nên mới có việc anh nhắn tin cho chị Linh

với nội dung như vậy. Sau thời điểm nhận tin khoảng 2 tuần, anh có nói chuyện với mẹ anh và biết việc đấu giá đất hoàn toàn không liên quan đến bà L và mọi lời nói của bà L đều mâu thuẫn với mẹ anh nói. Bên cạnh đó, qua cuộc hòa giải ngày 22/02/2022 tại UBND xã Thụy D càng khẳng định lời nói của mẹ anh là đúng. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của mẹ anh là bà Phạm Thị M.

** Tại biên bản xác minh ngày 20/02/2025, UBND xã Thụy D cung cấp như sau:* Ông Nguyễn Quốc H2 sinh năm 1973, chết năm 2012. Theo địa phương được biết thì khi chết ông Nguyễn Quốc H2 không để lại di chúc. Ông H2 có bố đẻ là cụ Nguyễn Duy P1, sinh năm 1942; địa chỉ: tổ dân phố 8B, khu phố 5, phường Đ, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; mẹ đẻ là cụ Trịnh Thị Th, sinh năm 1940, vợ là bà Phạm Thị M, sinh năm 1976. Ông H2 bà M có 02 con chung là Nguyễn Quốc H, sinh năm 1993 và Nguyễn Quang M, sinh năm 2006. Ngoài ra, ông H2 không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi, con riêng nào khác. Cụ Thơm, bà M, anh H, anh M1 đều có địa chỉ cư trú tại Thôn An T, xã Thụy D, huyện T2, tỉnh Thái Bình.

Về việc đấu giá thửa đất số 02QH/304 tờ bản đồ số 04 tại khu Nam làng An Tiêm 1, xã Thụy D, huyện T2, tỉnh Thái Bình: Theo hồ sơ đất thể hiện ông Nguyễn Quốc H2 là người đứng ra thực hiện các thủ tục đấu giá đất. Sau đó, ông H2 và bà M đã làm các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và đã được UBND huyện T2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH713861 mang tên Nguyễn Quốc H2 và Phạm Thị M ngày 23/12/2008.

Hiện nay hồ sơ lưu trữ việc đấu giá đất năm 2005-2006 địa phương không còn lưu trữ quy chế đấu giá đất.

Từ sau khi đấu giá đất đến nay thì chỉ có việc bà M san lấp một ít đất, sau đó bị bà L ông V cản trở, từ đó đến nay không có ai sử dụng đất và cũng không có việc tranh chấp ranh giới, mốc giới với các hộ liền kề.

Đối với việc ông V và bà L trình bày có gửi tiền nhờ ông H2 mua hộ đất thì UBND xã không nắm được do chỉ có vợ chồng ông H2 thực hiện việc đấu giá đất và các thủ tục liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bản án sơ thẩm số 01/2025/DSST ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên) đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 169 Bộ luật dân sự; Điều 11, Điều 26, Điều 31 Luật Đất đai năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc bà Phạm Thị L và ông Lương Văn V phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng thửa đất số 02QH/304, tờ bản đồ số 4 tại khu Nam làng thôn An Tiêm 1, xã Thụy D, huyện T2, tỉnh Thái Bình đã được UBND huyện T2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 713861 sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” TO 0097 ngày 23/12/2008 mang tên Phạm Thị M và Nguyễn Quốc H2 của bà Phạm Thị M và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Quốc H2.

1.2. Buộc bà Phạm Thị L và ông Lương Văn V trả lại bà Phạm Thị M Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 713861 sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” TO 0097 ngày 23/12/2008 mang tên Phạm Thị M và Nguyễn Quốc H2.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, bà Phạm Thị L và ông Lương Văn V kháng cáo bản án sơ thẩm, cụ thể: Bà L, ông V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Hội đồng xét xử sơ thẩm có nhiều sai sót, không khách quan, không công bằng, không triệu tập các nhân chứng quan trọng, chưa làm rõ các tình tiết khác quan trọng trong vụ án; bà L, ông V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà M sang tên chủ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L, buộc bà M trả lại đất cho bà L và đề nghị Tòa án cấm bà M không làm bất cứ việc gì trên thửa đất;

Tại các đơn kháng cáo bổ sung, bà L ông V vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đồng thời yêu cầu Tòa án triệu tập những người làm chứng gồm bà Phạm Thị Hương, bà Phạm Thị H2, anh Nguyễn Đức Th3, ông Phạm Viết Đ3.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị L, ông Lương Văn V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử không chấp nhận kháng cáo của ông bà Phạm Thị L và ông Lương Văn V, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân

dân huyện T2, tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bà Phạm Thị L và ông Lương Văn V làm trong hạn luật định và đã có đơn xin miễn án phí phúc thẩm nên được đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên Tòa có mặt bà M, anh H, bà L, ông V; vắng mặt anh M1, bà Th, ông P1, nhưng những người này đã có ủy quyền cho bà M tham gia tố tụng, nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử theo quy định pháp luật.

Về việc triệu tập người làm chứng theo yêu cầu của bị đơn: Bà Phạm Thị L, ông Lương Văn V có yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng là bà Phạm Thị Hương, anh Nguyễn Viết Thịnh, bà Phạm Thị H2 và ông Phạm Viết Đ3. Xét thấy, Bà H3 anh Thịnh đã có văn bản trình bày gửi Tòa án, mặt khác căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu phản tố nên việc triệu tập những người này là không cần thiết, Tòa án không triệu tập những người này là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị L, ông Lương Văn V thấy:

[2.1] Thửa đất số 02QH/304, tờ bản đồ 04 tại khu Nam làng thôn An Tiêm 1, xã Thụy D, huyện T2, tỉnh Thái Bình có nguồn gốc là do ông Nguyễn Quốc H2 (chồng bà Phạm Thị M) đứng ra thực hiện các thủ tục đấu giá đất, sau đó ông Nguyễn Quốc H2 và bà Phạm Thị M đã làm các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật và đã được UBND huyện T2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 713861 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” TO 0097 ngày 23/12/2008 mang tên Phạm Thị M và Phạm Quốc Hương.

[2.2] Như vậy, Nhà nước đã công nhận quyền sử dụng đất của bà M và ông H2 đối với thửa đất này. Ông H2, bà M cũng chưa làm thủ tục chuyển nhượng, tặng cho thửa đất trên cho ai. Ngày 10/3/2012, ông Nguyễn Quốc H2 chết, thì bà Phạm Thị M là đồng sở hữu được quyền quản lý tài sản chung vợ chồng theo quy định tại Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

[2.3] Bà L, ông V xác định thửa đất số 02QH/304, tờ bản đồ 04 tại khu Nam làng thôn An Tiêm 1, xã Thụy D, huyện T2, tỉnh Thái Bình là của bà L, ông V, do thửa đất có nguồn gốc là do bà L gửi tiền ông H2 bà M mua hộ. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích pháp luật cho bà L, ông V để bà L, ông V có đơn yêu cầu phản tố theo quy định pháp luật nhưng bà L ông V không có yêu cầu

phản tố nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không đặt ra xem xét trong vụ án này là đúng quy định pháp luật.

Do đó, hiện bà Phạm Thị M và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Quốc H2 vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 26, Điều 31 Luật Đất đai năm 2024, không ai được cản trở.

[2.4] Bà L, ông V thừa nhận có hành vi cản trở và sẽ tiếp tục cản trở, không cho bà M và các đồng thừa kế của ông H2 sử dụng thửa đất số 02QH/304, tờ bản đồ 04 tại khu Nam làng thôn An Tiêm 1, xã Thụy D, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Hành vi của bà L, ông V là hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 11 Luật Đất đai 2024, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của người sử dụng đất.

[2.5] Bà L, ông V thừa nhận đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 02QH/304, tờ bản đồ 04 tại khu Nam làng thôn An Tiêm 1, xã Thụy D, huyện T2, tỉnh Thái Bình mặc dù giữa bà L ông V với bà M ông H2 hay các đồng thừa kế của ông H2 không phát sinh giao dịch dân sự nào liên quan đến quyền sử dụng thửa đất này và không được sự đồng ý của bà M cùng các đồng thừa kế của ông H2. Việc bà L ông V chiếm giữ trái phép Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M và ông H2 sẽ làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền hợp pháp của bà M và các đồng thừa kế của ông H2 đối với thửa đất trên.

[2.6] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Phạm Thị L, ông Lương Văn V không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị L, ông Lương Văn V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Bị đơn là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí dân sự phúc thẩm nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị L, ông Lương Văn V, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên).

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị L, ông Lương Văn V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 13/8/2025.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND, VKSND khu vực 7 - Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Thành